UỶ BAN NHÂN DÂN **THỊ TRẤN CHƯ SÊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**
Số : 86/TB-UBND	*Thị trấn Chư Sê, ngày 17 tháng 8 năm 2021*

THÔNG BÁO

Về đăng ký làm đường giao thông nông thôn trên địa bàn thị trấn Chư Sê năm 2022

Kính gửi: Ban nhân dân 21 thôn, làng, TDP.

Căn cứ Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về chủ trương đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Công văn số 1443/UBND-KT ngày 16/8/2021 của UBND huyện về việc khẩn trương đăng ký kế hoạch kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn năm 2022;

UBND thị trấn đề nghị Ban nhân dân 21 thôn, làng, TDP nhanh chóng triển khai họp dân triển khai chủ trương về thi công đường giao thông nông thôn với chủ trương sau:

I- Các đường Ngân sách tỉnh + Nhân dân đóng góp.

1- Đối với mặt đường bê tông xi măng rộng 3,5m, dày 16cm, mác 250, dài 1.000m: Tổng kinh phí tạm tính là: **995.000.000 đồng** *(Chín trăm chín mươi lăm triệu)*. Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 465.294.000 đồng.

+ Nhân dân đóng góp: 529.706.000 đồng.

2- Đối với mặt đường bê tông xi măng rộng 3,0m, dày 16cm, mác 250, dài 1.000m: Tổng kinh phí tạm tính là **870.000.000 đồng** *(Tám trăm bảy mươi triệu)*.

Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 398.824.000 đồng.

+ Nhân dân đóng góp: 471.176.000 đồng.

3- Tổng kinh phí trên là tạm tính vì khi triển khai lập hồ sơ dự toán phụ thuộc vào giá vật liệu của Sở xây dựng công bố.

4- UBND thị trấn đề nghị Ban nhân dân các thôn làng, TDP triển khai đến nhân dân với các nội dung sau:

4.1- Ngoài kinh phí Nhà nước hỗ trợ, kinh phí còn lại theo dự toán UBND thị trấn không bắt buộc Nhân dân đóng góp, nhưng Nhân dân tự nguyện bàn bạc tham

gia mức đóng góp theo nhiều hình thức để đảm bảo vật liệu, nhân công cho từng công trình.

4.2- Các thôn, làng, TDP họp Nhân dân phải có biên bản tại các cuộc họp gửi về UBND thị trấn, để UBND thị trấn có cơ sở báo cáo cấp trên.

4.3- Các Trưởng thôn, làng của thị trấn Chư Sê gặp đồng chí Kế toán hướng dẫn thủ tục thanh toán theo quy định.

4.4- Hạn đăng ký trước **ngày 21/8/2021**. Nếu thôn làng, TDP nào không đăng ký thì sau này chịu trách nhiệm trước Nhân dân.

Nhận được Thông báo này đề nghị Ban nhân dân 21 thôn, làng, TDP nhanh chóng triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT -VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trương Thanh Hoài

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH : ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN ...., DÀI 1000M

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG BTXM M250 DÀY 16CM, RỘNG 3,5M

Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế	Chi phí sau thuế
1	**Chi phí xây dựng**	**Gxd**		**Gxd1 : Gxd2**	**812.289.979**	**81.228.998**	**893.518.977**
2	**Chi phí quản lý dự án**	**Gqlda**	**2,763 %**	**2,763% x Gxd**	**22.443.572**		**22.443.572**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**Gtv**		**Gtv1 : Gtv2**	**37.089.160**	**3.708.916**	**40.798.076**
3.1	*Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình*	*Gtv1*	*2,5 %*	*2,5% x Gxd x 0,8*	*16.245.799*	*1.624.580*	*17.870.379*
3.2	*Chi phí giám sát thi công xây dựng*	*Gtv2*	*2,566 %*	*2,566% x Gxd*	*20.843.361*	*2.084.336*	*22.927.697*
4	**Chi phí khác**	**Gk**		**Gk1 : Gk2**	**5.683.850**	**0**	**5.683.850**
4.1	*Phí thẩm định Hồ sơ XD công trình*	*Gk1*	*0,019 %*	*0,019% x Gtmdt*	*183.350*		*183.350*
4.2	*Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	*Gk2*	*0,57 %*	*0,57% x Gtmdt*	*5.500.500*		*5.500.500*
5	**Chi phí dự phòng**	**Gdp**					**2.556.000**
	TỔNG CỘNG (làm tròn)	**Gtmdt**					**965.000.000**
Bằng chữ: (Chín trăm sáu mươi năm triệu đồng)							

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH : ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN ...., DÀI 1000M

HẠNG MỤC: NỀN, MẶT ĐƯỜNG BTXM M250 DÀY 16CM, RỘNG 3M

Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế	Chi phí sau thuế
1	**Chi phí xây dựng**	**Gxd**		**Gxd1 : Gxd2**	**709.447.979**	**70.944.798**	**780.392.777**
2	**Chi phí quản lý dự án**	**Gqlda**	**2,763 %**	**2,763% x Gxd**	**19.602.048**		**19.602.048**
3	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**Gtv**		**Gtv1 : Gtv2**	**32.393.394**	**3.239.339**	**35.632.734**
3.1	*Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình*	*Gtv1*	*2,5 %*	*2,5% x Gxd x 0,8*	*14.188.959*	*1.418.896*	*15.607.855*
3.2	*Chi phí giám sát thi công xây dựng*	*Gtv2*	*2,566 %*	*2,566% x Gxd*	*18.204.435*	*1.820.444*	*20.024.879*
4	**Chi phí khác**	**Gk**		**Gk1 : Gk2**	**4.959.380**	**0**	**4.959.380**
4.1	*Phí thẩm định Hồ sơ XD công trình*	*Gk1*	*0,019 %*	*0,019% x Gtmdt*	*159.980*		*159.980*
4.2	*Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	*Gk2*	*0,57 %*	*0,57% x Gtmdt*	*4.799.400*		*4.799.400*
5	**Chi phí dự phòng**	**Gdp**					**1.413.000**
	TỔNG CỘNG (làm tròn)	**Gtmdt**					**842.000.000**
Bằng chữ: (Tám trăm bốn mươi hai triệu đồng)							